



TRUYỀN THÔNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG: CÁCH NHÌN NHƯ MỘT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

NGUYỄN CÔNG THẢO

Đặt vấn đề

Bản Thỏa thuận chống biến đổi khí hậu toàn cầu đã được chính thức thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hiệp Quốc COP 21 ở Paris (Pháp) lúc 17 giờ 30 phút (giờ Paris), tức 23 giờ 30 phút (giờ Việt Nam) ngày 12/12/2015. Đây là thành quả của những nỗ lực trong suốt 20 năm qua. Lần đầu tiên, tất cả 156 nước tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về chống biến đổi khí hậu (UNFCCC) đã đi đến một Thỏa thuận buộc tất cả các nước cắt giảm lượng phát thải khí các bon. Bản Thỏa thuận một phần mang tính ràng buộc pháp lý, một phần thể hiện sự tự nguyện. Mục tiêu quan trọng nhất của Thỏa thuận là giữ mức tăng nhiệt độ toàn cầu trong thế kỷ này dưới 2°C , rồi tiếp đó cùng thúc đẩy nỗ lực để xuống còn $1,5^{\circ}\text{C}$ so với thời kỳ tiền công nghiệp.

Đây được coi là bước tiến quan trọng trong nỗ lực cải thiện chất lượng môi trường mang tính toàn cầu. Là một trong các quốc gia thành viên thông qua bản Thỏa thuận, Việt Nam sẽ cần phải có những hành động cụ thể, thiết thực hơn nữa để minh chứng cho những cam kết của mình. Trước đó, vào

ngày 2/12/2015, Hội nghị toàn quốc “*Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổ chức Bắc Âu trợ giúp Việt Nam (NCA) tổ chức đã diễn ra tại Huế với sự tham gia của 14 tôn giáo tại Việt Nam. Hội nghị này đánh dấu một nhận thức mới, quan trọng trong việc thừa nhận vai trò tích cực của các tôn giáo đối với công tác tuyên truyền và tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Bài viết này thảo luận về một hoạt động cụ thể nhằm tăng cường nhận thức, thay đổi hành vi của người dân đối với biến đổi khí hậu thông qua phương pháp truyền thông dựa vào cộng đồng. Khái niệm truyền thông dựa vào cộng đồng trong bài viết có thể hiểu là phương thức truyền thông mà ở đó người dân được coi là trung tâm; vừa là đối tượng nhận tin vừa là chủ thể truyền tải thông tin cho các thành viên khác trong cộng đồng thông qua các phương tiện, hình thức sẵn có, quen thuộc, dễ tiếp cận và hiệu quả ở chính ngay cộng đồng ấy (Genilo, 2004).

1. Nhận thức về biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) không còn là một viễn cảnh xa vời mà trên thực tế đã, đang và sẽ có nhiều tác động đến con người ở tất cả các khu vực địa lý. Theo Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC, 2014), lượng phát thải khí nhà kính hàng năm do con người gây ra (chủ yếu là CO₂, CH₄, N₂O) tăng từ 27 tỷ tấn (1970) lên 33 tỷ tấn (1980), 38 tỷ tấn (1990), 40 tỷ tấn (2000) và ở mức 49 tỷ tấn năm 2010. Các biểu hiện rõ rệt nhất của BĐKH là quá trình nóng lên trên toàn cầu, nước biển dâng và các diễn biến thời tiết khắc nghiệt, khó dự báo. Vì thế, việc tìm kiếm một giải pháp chung nhằm ứng phó với quá trình này đã trở thành một nhiệm vụ quan trọng, được đưa ra bàn luận ở các cấp lãnh đạo cao nhất trong nhiều diễn đàn mang tính quốc tế.

Hội nghị BĐKH mang tầm quốc tế được Liên Hiệp Quốc tổ chức hàng năm trong khuôn khổ Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về BĐKH (UNFCCC). Các thành tựu trong quá trình thương thảo quốc tế về BĐKH từ năm 1992 đến năm 2014 gồm: Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về BĐKH (1992); Nghị định thư Kyoto tại COP 3 (1997); Các quy định về thực thi Công ước và Nghị định thư trong Hiệp định Marrakesh tại COP 7 (2001); Lộ trình Bali và Kế hoạch hành động Bali tại COP 13/CMP 3 (2007); Hiệp ước Copenhagen tại COP 15/CMP 5 (2009); Thỏa thuận Cancun tại COP 16/CMP 6 (2010); Khởi xướng về một Thỏa thuận khí hậu toàn cầu mới sau năm 2020 tại COP 17/CMP 7 (2011); Sửa đổi Nghị định thư Kyoto cho thời kỳ cam kết thứ hai tại COP 18/CMP 8 (2012); Bàn luận các vấn đề cho một Thỏa thuận khí hậu toàn

cầu mới tại COP 19/CMP 9 (2013); Quỹ khí hậu xanh được đưa ra tại Hội nghị COP 20/CMP10 (2014). Mặc dù có nhiều nỗ lực, nhưng giải quyết vấn đề môi trường vẫn chưa đạt được nhiều thành tựu như mong đợi. Việc tìm tiếng nói chung giữa nhiều quốc gia trong việc cam kết trách nhiệm cụ thể vẫn chưa đạt được. Bản Thỏa thuận chung giữa 156 quốc gia trong Hội nghị COP 21, được tổ chức tại Paris vào tháng 12/2015 là sự thành công có ý nghĩa lịch sử đối với việc phòng chống BĐKH.

2. Cơ sở nhận thức

BĐKH phần lớn là hệ quả của các hoạt động thiếu kiểm soát, thiếu bền vững do con người gây ra. Có những biến đổi là không thể tránh khỏi, sẽ có tác động tới mọi mặt của đời sống, mọi quốc gia, cộng đồng. Tuy con người không thể chặn đứng sự BĐKH nhưng có thể hành động để giảm thiểu và đây là hoạt động đòi hỏi sự chung sức của mọi quốc gia, mọi cá nhân chứ không phải chỉ là nhiệm vụ của các chính phủ hay các quốc gia phát triển.

Mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên chịu tác động của nhiều yếu tố và được nghiên cứu dưới nhiều hướng tiếp cận như: sinh thái văn hóa, sinh thái học chính trị, sinh thái học tín ngưỡng... Câu hỏi trọng tâm đặt ra từ trước đến nay trong cách tiếp cận này là yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất trong việc điều chỉnh sự can thiệp của con người vào tự nhiên. Có nhiều cách tiếp cận khác nhau nhằm luận giải cho câu hỏi đó (Nguyễn Công Thảo, 2009). Dưới góc nhìn sinh thái nhân văn, White¹ cho

¹ Ông là một học giả chuyên sâu nghiên cứu về thái độ với môi trường và hệ sinh thái của nhiều tôn giáo khác nhau.

rằng: “*Những gì con người ta ứng xử với môi trường xung quanh phụ thuộc vào việc người ta nhận thức như thế nào về mối liên hệ của mình với chính môi trường xung quanh*” (White, 1967, tr. 1205). Tác giả bài viết này cũng đã có một công trình nghiên cứu về việc sử dụng tôn giáo, tín ngưỡng như một giải pháp bổ sung cho việc giải quyết những thách thức từ sự thay đổi môi trường (Nguyễn Công Thảo, 2010).

Nhận định trên tuy mang màu sắc duy tâm khi quá đề cao vai trò của niềm tin mà bỏ qua các yếu tố quan trọng khác như chính sách, dân số, khoa học công nghệ hay hoạt động kinh tế... nhưng nó gợi mở một cách tiếp cận mới để tìm ra giải pháp cho vấn đề BĐKH hiện nay, ít nhất ở cấp độ cộng đồng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi chúng ta đã đạt được nhận thức chung về việc con người là tác nhân chính của quá trình BĐKH và nó chỉ có thể được khắc phục khi mọi cá nhân, cộng đồng và các quốc gia cùng chung tay, góp sức ngay từ bây giờ.

Nhận thức quan trọng thứ hai đối với phòng chống BĐKH là vai trò của truyền thông, bao gồm xác định công cụ, đối tượng, phương thức truyền tải thông tin... Truyền thông đối với cộng đồng không chỉ đơn thuần là hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình hay báo viết theo cách hiểu truyền thống. Trong bối cảnh không phải cộng đồng nào cũng có đủ điều kiện thường xuyên tiếp cận các loại hình kể trên, việc xác định các hình thức truyền thông mới, linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng là việc làm cần thiết. Với các cộng đồng ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa thì thực tế đã chỉ ra rằng, việc sử dụng vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, các tổ

chức phi quan phương tại cấp thôn bản... thường đem lại hiệu quả cao; với giới trẻ tại khu vực đô thị, báo điện tử hay các mạng xã hội sẽ là lựa chọn tối ưu hơn.

3. Truyền thông dựa vào cộng đồng trong phòng chống biến đổi khí hậu

Trong khi những thương thảo về mặt chính sách ở tầm chính phủ vẫn đang được tiếp tục tiến hành và còn phải cần nhiều thời gian để những cam kết đi vào thực tế, việc triển khai các biện pháp ứng phó với BĐKH cần phải được thúc đẩy ngay ở cấp độ địa phương, cộng đồng. Nhiều tổ chức quốc tế tại Việt Nam đã và đang có những hoạt động hỗ trợ tích cực cho lĩnh vực này như Care, Oxfam... Song, dưới đây chỉ tập trung thảo luận một số vấn đề được coi là căn cốt, cần phải thúc đẩy mạnh hơn nữa trong thời gian tới, xét dưới phương diện truyền thông.

3.1. Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu

Phải thừa nhận một thực tế là trong khi ở cấp độ chính phủ và trên các diễn đàn khoa học, BĐKH đã và đang trở thành một chủ đề nóng thì ở cấp độ cộng đồng, nhận thức của người dân về vấn đề này còn chưa đầy đủ. Nghiên cứu của Kees cùng cộng sự tại huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và nghiên cứu của tác giả bài viết này tại huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang cho thấy, người dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về các biểu hiện, nguyên nhân cùng hệ quả của BĐKH (Kees và cộng sự, 2014; Nguyễn Công Thảo và cộng sự, 2014). Người Kinh ở huyện Tháp Mười ý thức được xu thế thay đổi thất thường của mùa lũ xét về thời điểm và cường độ; song, họ cho đó là hiện tượng tự nhiên đơn thuần. Người La Chí ở Xín Mần

nhận thức được nhiệt độ trong năm tăng lên, mùa mưa rút ngắn lại, nhiều hiện tượng thiên tai khắc nghiệt như hạn hán, lũ xảy ra thường xuyên hơn, nhưng họ vẫn chưa hiểu rõ đó là những biểu hiện của BĐKH (Nguyễn Công Thảo và cộng sự, 2014). Đây cũng là thực tế chung đối với nhiều cộng đồng người Thái ở hai huyện Điện Biên và Điện Biên Đông thuộc tỉnh Điện Biên - nơi chúng tôi mới tiến hành nghiên cứu điền dã trong tháng 4/2015.

Có thể nói, việc nâng cao nhận thức cho người dân về BĐKH là việc làm cần thiết, bởi như quan điểm của White, nhận thức, niềm tin sẽ quyết định hành vi của con người. Hoạt động nâng cao nhận thức này có thể được tiến hành ở nhiều cách khác nhau. Thứ nhất là tuyên truyền thông qua việc xây dựng các tờ rơi với ngôn ngữ, hình ảnh sinh động, dễ hiểu để phát cho người dân. Nội dung truyền tải phải làm rõ ít nhất 4 nội dung: (i) Những hoạt động nào của người dân có thể gián tiếp dẫn đến BĐKH; (ii) Biểu hiện cụ thể của BĐKH trong điều kiện địa phương sẽ là gì? (iii) Ảnh hưởng tiêu cực của BĐKH đến sinh kế của người dân sẽ ra sao? (iv) Người dân có thể làm gì để giảm thiểu, phòng chống BĐKH. Cần nhấn mạnh thêm rằng, hoạt động tuyên truyền này phải được tiến hành ở tất cả các địa phương chứ không chỉ ở vùng cao, ven biển, hải đảo. Riêng vùng tộc người thiểu số, việc thiết kế tờ rơi phải thực sự dễ hiểu, kết hợp với tuyên truyền thực tế thông qua các cuộc họp thôn bản, người có uy tín trong cộng đồng.

Người dân cần được hiểu rõ BĐKH không phải một viễn cảnh xa vời hay là hệ quả của những hoạt động phá vỡ thế cân

bằng môi trường ở quy mô lớn hay ở đâu đó. Trái lại, tập quán chăn thả, phương thức canh tác hay sử dụng chất đốt cũng có thể gây ô nhiễm môi trường, làm suy giảm đa dạng sinh học... dẫn đến BĐKH. Hậu quả của quá trình này sẽ rất cụ thể và có thể xảy ra bất cứ lúc nào chứ không phải trong một tương lai vô định. Người dân cần được củng cố niềm tin rằng mỗi sự thay đổi trong thói quen thực hành của họ theo hướng thân thiện hơn với môi trường cũng góp phần giảm thiểu rủi ro này, bởi đó không chỉ là công việc của Nhà nước hay của ai khác.

3.2. Thay đổi thói quen tiêu dùng

Ô nhiễm môi trường là tác nhân chủ yếu dẫn đến BĐKH mà thói quen tiêu dùng thiếu kiểm soát, không thân thiện với môi trường là một trong những tác nhân chủ đạo. Moran (2006) đã chỉ ra rằng, không phải mọi thành viên trong một cộng đồng cụ thể đều bình đẳng về mặt tiêu thụ năng lượng. Một công dân Mỹ tiêu thụ năng lượng gấp 25 lần so với một công dân ở các nước đang phát triển. Theo logic này, hiển nhiên cư dân thành thị tiêu thụ năng lượng nhiều hơn cư dân nông thôn, miền núi. Trong khi đó, các nguồn năng lượng không phải là vô tận. Sự cảnh báo về nguy cơ cạn kiệt trong tương lai gần của nhiều tài nguyên thiên nhiên là một ví dụ. Ngay cả nước sạch, một nguồn tài nguyên tưởng chừng vô tận cũng đã và đang trở thành mối quan ngại của nhiều quốc gia. Ở nước ta, thói quen sử dụng túi nilon “mọi lúc, mọi nơi”, vứt rác bừa bãi, lạm dụng thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật... đã được nhiều nhà khoa học cảnh báo sẽ có tác động tiêu cực, lâu dài với môi trường. Thú chơi chim cảnh, cây cảnh hay sở thích ăn thịt động vật hoang dã đã và đang có ảnh hưởng

tiêu cực đến đa dạng sinh học. Vì thế, mối quan hệ giữa con người và môi trường không nên chỉ được nhìn ở chiều cạnh vật chất (thường được coi là hệ quả của quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế, toàn cầu hóa, gia tăng dân số...). Yếu tố tâm lý, tâm linh, tín ngưỡng cũng cần phải được coi như những nhân tố quan trọng.

Truyền thông cộng đồng kêu gọi người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường đã được tiến hành từ lâu ở nhiều quốc gia và họ đã đạt được nhiều thành tựu trong việc thay đổi nhận thức, hành vi của đa số người dân. Ở nước ta, vấn đề này mới được tiến hành vài năm trở lại đây, sức lan tỏa còn chưa rộng, chủ yếu ở một bộ phận người tiêu dùng trong khu vực đô thị. Do đó, vẫn còn nhiều việc phải làm để truyền thông từng bước hướng tới sự thay đổi thói quen tiêu dùng theo hướng tiết kiệm, bảo vệ môi trường...

3.3. Phát huy những tích cực của tôn giáo, tín ngưỡng và kinh nghiệm cộng đồng

Đúng là việc kiểm soát gia tăng dân số, phát triển kinh tế bền vững, sử dụng nguồn tài nguyên hợp lý, điều chỉnh các chính sách cho phù hợp, trồng rừng, thành lập khu bảo tồn rừng quốc gia, kiểm soát khí thải... là những đề xuất quan trọng nhằm khắc phục tình trạng suy thoái môi trường hiện nay. Tuy nhiên, không ít học giả đề cập đến việc khôi phục các tín ngưỡng truyền thống có liên quan đến rừng tự nhiên như một giải pháp hữu hiệu. Dẫu rằng ở đâu đó, đôi lúc khái niệm “tri thức địa phương”, “kinh nghiệm truyền thống”... được sử dụng như là khuyến nghị cho các nhà làm chính sách. Có thể nói, hiếm có những nghiên cứu

chuyên sâu về cách ứng xử của tôn giáo tín ngưỡng đối với vấn đề môi trường hiện nay. Khi đề cập đến cái gọi là “tri thức địa phương”, một số học giả chủ yếu nói tới kinh nghiệm truyền thống của từng tộc người đối với việc ứng xử, sử dụng một nguồn tài nguyên cụ thể (đất, nguồn nước, rừng...). Song, quá trình hình thành các thế ứng xử ấy vẫn chưa được quan tâm đầy đủ. Tôn giáo, tín ngưỡng, xét ở khía cạnh bảo vệ môi trường, chắc chắn đảm nhiệm tốt vai trò. Cách tiếp cận này giúp nhà nghiên cứu hiểu biết đầy đủ không chỉ trong phạm vi mối quan hệ hữu cơ giữa tín ngưỡng của một tộc người với môi trường tự nhiên bao quanh họ, mà còn giúp họ khám phá quá trình “trải nghiệm”, “nghiệm sinh” để sinh tồn và phát triển trong môi trường tự nhiên ấy. Đây chính là những “tri thức” mang chiều dài lịch sử và có tính đại diện chung nhất cho cả một cộng đồng.

Có công trình nghiên cứu đã chỉ ra vai trò tích cực của Phật giáo cũng như một số tôn giáo khác trong việc bảo vệ sự đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, có chiến lược ứng phó hữu hiệu với BĐKH (Sponsel, 2001; 2012). Hội nghị về nâng cao nhận thức biến đổi môi trường và ứng phó với BĐKH do Trung ương Mặt trận Tổ quốc phối hợp cùng một số ban ngành được tổ chức vào tháng 12/2015 với sự tham gia của đại diện 14 tôn giáo khác nhau là một minh chứng rõ nét về vai trò của tôn giáo đối với lĩnh vực này. Đây là những cơ sở quan trọng mà truyền thông cộng đồng có thể hướng tới, không chỉ tranh thủ vai trò của niềm tin linh thiêng mà cả thay đổi nhận thức của một bộ phận những người làm chính sách liên quan đến môi trường.

3.4. Nhận thức thêm về phát triển bền vững

Có nhiều định nghĩa về phát triển bền vững nhưng tựu chung lại, các định nghĩa đều nhấn mạnh đến việc phát triển vừa đáp ứng nhu cầu cho hiện tại, vừa đảm bảo tài nguyên và những nguồn lực khác cho các thế hệ tương lai (Moran, 2006). Thực ra, các định nghĩa hiện có của các học giả nước ngoài đều nhìn vấn đề phát triển bền vững dưới các chiều cạnh: kinh tế, xã hội (đặc biệt nhấn mạnh đến công bằng xã hội), sinh thái (hài hòa với tự nhiên). Để phát triển bền vững, theo quan điểm của Moran, con người cần khai thác một cách hợp lý các nguồn lực hiện có. Song, mỗi quan ngại đã xuất hiện từ sự suy giảm đáng kể các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà dầu mỏ là một ví dụ điển hình. Do đó, một trong những khuyến nghị quan trọng giúp cho quá trình khai thác các nguồn lực trở nên hợp lý hơn là con người phải hạn chế nhu cầu tiêu thụ của mình, sử dụng hợp lý hơn và tăng cường tái sử dụng các tài nguyên (Moran, 2006).

Rõ ràng, không thể phủ nhận những quan điểm ở trên vì tính đúng đắn của nó. Như đã trình bày, con người tác động vào thiên nhiên không chỉ phụ thuộc vào việc họ cần gì (cho nhu cầu ăn, ở, mặc...) mà còn bị chi phối bởi việc họ nghĩ gì về môi trường tự nhiên bao quanh họ (Sponsel, 2012). Chiều cạnh này không chỉ khiến con người khác biệt với hầu hết các loài động vật khác, mà còn giúp cho việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên của con người trở nên đa dạng và hiệu quả hơn. Chính vì thế, truyền thông dựa vào cộng đồng nếu được thực hiện tốt sẽ giúp cho người dân nhận thức một cách đầy đủ và cụ thể hơn về

những gì họ có thể làm để đóng góp cho sự bền vững của môi trường tự nhiên; đồng thời, giúp người dân nhận ra được những gì họ đang làm có thể đe dọa đến không chỉ hiện tại mà cả các thế hệ tương lai.

Kết luận

Biến đổi khí hậu là một vấn đề phức tạp và mang tính toàn cầu, đòi hỏi con người đồng thời có nhiều giải pháp ở các cấp độ khác nhau để giải quyết ngày càng có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, bài viết này chỉ mang tính thảo luận về việc sử dụng truyền thông để nâng cao nhận thức của người dân đối với vấn đề BĐKH. Qua đó, giải pháp truyền thông được coi như *một cách tiếp cận bổ sung*, nhất là trong bối cảnh hạn chế về nguồn lực tài chính như hiện nay.

Để công tác truyền thông giúp người dân thay đổi nhận thức đạt hiệu quả cao, việc thiết kế chương trình truyền thông từ nội dung, hình thức... đến phương pháp cần dựa vào cộng đồng, lấy cộng đồng làm trung tâm, tôn trọng đa dạng văn hóa của mỗi cộng đồng. Muốn làm được điều đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ không chỉ giữa các cơ quan chính phủ mà cả giữa chính phủ với các tổ chức quốc tế, tổ chức dân sự. Đây là một quá trình đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên, trong một thời gian dài thì mới cho chúng ta kỳ vọng vào những chuyển biến cụ thể.

Tài liệu tham khảo

1. Geest, Kees van der, Nguyen Viet Khoa and Nguyen Cong Thao (2014), "Internal Migration in the Upper Mekong Delta, Vietnam: What is the role of climate-related stressors?" *Asia - Pacific Population Journal*, Vo. 29, No. 2, Pp. 25-43.

2. Genilo, R. Jude William (2004), *Community-based communication: a new approach to development communication*, Great Books Publisher, Quezon City, Philippines.
3. Lynn, Jr. White (1967), “The historic roots of our ecologic crisis”, *Sciences* No. 155 (3767), Pp. 1203-1207.
4. Moran, F. Emilio (2006), *People and nature, an introduction to human ecology relations*, Blackwell Publishing, Australia.
5. Nguyễn Công Thảo (2009), “Một số cách tiếp cận mối quan hệ giữa con người và môi trường”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 23-35.
6. Nguyễn Công Thảo (2010), “Tiếp cận vấn đề biến đổi môi trường dưới góc độ sinh thái học tín ngưỡng”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 1, tr. 59-69.
7. Nguyễn Công Thảo, Nguyễn Thắm Thu Hà, Lê Thị Hương, Lê Thị Mùi, Phạm Thị Cẩm Vân (2014), *Sự thích ứng với biến đổi khí hậu của người La Chí ở huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang*, Báo cáo đề tài cấp Viện, lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
8. Sponsel, E. Leslie (2012), *Spiritual Ecology: A Quiet Revolution*, Praeger, Santa Barbara, CA.
9. Sponsel, E. Leslie, and Sponsel, Poranee Natadecha (2002), “Why a Tree is More than a Tree: Reflections on the Spiritual Ecology of Sacred Trees in Thailand”, in: *Santi Pracha Dhamma*, Sulak Sivaraksa, et al. (Eds.) Santi Pracha Dhamma Institute, Santi, Bangkok, Thailand, Pp. 364-373.
10. Sulak Sivaraksa, Pracha Dhamma (Eds.) (2001), *Santi Pracha Dhamma Institute*, Bangkok, Thailand, Pp. 364-373.



Nông dân xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười,
tỉnh Đồng Tháp mưu sinh mùa lũ

Ảnh: Nguyễn Công Thảo